

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DSST

Ngày: 19 - 12 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Thuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2022/TLST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Viết tắt là Sacombank)

Địa chỉ: Số A N, phường x, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc;
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Phạm Ngọc V –
Chuyên viên quản lý nợ thuộc phòng Kiểm sát rủi ro Chi nhánh Ngân hàng tại
Ninh Thuận (Văn bản ủy quyền số 72/2022/GUQ-CNNT ngày 19-7-2022) - Có
mặt.

2. Bị đơn:

+ Ông: Huỳnh Tấn A – Sinh năm 1960 - Vắng mặt

+ Bà: Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1960 – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các anh (chị):

+ Nguyễn Thị Kim L – Sinh năm: 1986 – Vắng mặt

+ Nguyễn Thị Kim L1 – Sinh năm: 1989 – Vắng mặt

+ Huỳnh Thị Kim M – Sinh năm: 1994 – Vắng mặt

+ Huỳnh Thị Kim Sg – Sinh năm: 1997 – Vắng mặt

+ Huỳnh Tấn H – Sinh năm: 2002 – Vắng mặt

+ Huỳnh Tấn L – Sinh năm: 2003 – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Đ, P, N, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 19-7-2022 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29-6-2020, Ngân hàng Sacombank cho vợ chồng ông Huỳnh Tấn nh và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 280.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202025490835 ngày 29-6-2020, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hợp đồng như sau: 03 tháng đầu tiên là 11,5%/năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lành lãi sau của Sacombank + biên độ 3,8%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân

hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng kỳ được hiểu là không bắt buộc.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, vợ chồng ông A, bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình gồm: thửa đất số 148 tờ bản đồ số 17d bản đồ địa chính xã Phước Thái theo hợp đồng thế chấp số 510/TC20 ngày 30-6-2020 và thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 17c bản đồ địa chính xã Phước Thái theo hợp đồng thế chấp số 511/TC20 ngày 30-6-2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông A, bà H đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên sau khi hợp đồng hết hạn, theo đề nghị của ông A, bà H thì Ngân hàng tiếp tục gia hạn khoản vay thêm 12 tháng theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 28-6-2021. Tuy nhiên từ tháng 4/2022 vợ chồng ông A và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Sacombank.

Từ tháng 6/2022 khi khoản vay đến hạn trả nợ, toàn bộ dư nợ gốc là 280.000.000 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng Sacombank nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông A và bà H chỉ thực hiện trả nợ gốc được 7.500.000 đồng. Ngân hàng Sacombank, đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết buộc: vợ chồng ông A, bà H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc theo hợp đồng là 272.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.113.836 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19-12-2022) là 21.023.014 đồng; Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, buộc ông A và bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc; Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 148 tờ bản đồ số 17d bản đồ địa chính xã Phước Thái theo hợp đồng thế chấp số 510/TC20 ngày 30-6-2020 và thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 17c bản đồ địa chính xã Phước Thái theo hợp đồng thế chấp số 511/TC20 ngày 30-6-2020 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp

không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu được phát mãi ngay toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà thừa nhận toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, tài sản thế chấp như lời trình bày của Ngân hàng là đúng sự thật. Tại phiên Tòa bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

3. Bị đơn ông Huỳnh Tấn A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến trình bày;

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

5. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Về nội dung vụ án: khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Tấn A và Nguyễn Thị H phải trả số tiền là 295.636.850 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 20-12-2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 510/CT20 và 511/CT20 ngày 30-6-2020 để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp ông A và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị H phải chịu.

Về án phí: miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị Hoàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H xác định ông A bị bệnh không thể tham gia phiên tòa còn các con đi làm ăn xa không thể về được, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Tấn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Nội dung giải quyết vụ án theo khởi kiện của Nguyên đơn:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định được: Ngân hàng Sacombank và vợ chồng ông A, bà H có ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Theo đó, Ngân hàng Sacombank cho vợ chồng ông A và bà H vay số tiền là 280.000. 000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202025490835 ngày 29-6-2020 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 28-6-2021. Tài sản thế chấp là thửa đất số 148 tờ bản đồ số 17d bản đồ địa chính xã Phước Thái theo hợp đồng thế chấp số

510/TC20 ngày 30-6-2020 và thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 17c bản đồ địa chính xã Phước Thái theo hợp đồng thế chấp số 511/TC20 ngày 30-6-2020 và toàn bộ tài sản trên đất.

Xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản được các bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị H xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19-12-2022), vợ chồng ông A, bà H còn nợ tiền gốc là 272.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.113.836 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.023.014 đồng, chưa trả cho Ngân hàng Sacombank.

Như vậy, Ngân hàng Sacombank yêu cầu vợ chồng ông Hoàng, bà Anh phải trả nợ gốc, lãi và tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng, do yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng Sacombank.

[4]. Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn đơn số tiền tạm ứng án phí 7.308.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002630 ngày 25-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Bị đơn là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị đơn.

[5]. Quan điểm của Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử lý tiền chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- + Các điều: 26, 39, 147, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- + Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- + Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- + Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình
- + Điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Thương Tín với bị đơn ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị Hoàng.

1. Buộc vợ chồng ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 19-12-2022 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Thương Tín, cụ thể số tiền nợ phải trả như sau:

- + Nợ gốc là: 275.500.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng);
- + Lãi trong hạn là: 2.113.836 đồng (Hai triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng);
- + Lãi quá hạn: 21.023.014 đồng (Hai mươi một triệu không trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

2. Từ ngày 20-12-2022 buộc vợ chồng ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

3. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp gồm: thửa đất số 148 tờ bản đồ số 17d bản đồ địa chính xã Phước Thái theo hợp đồng thế chấp số 510/TC20 ngày 30-6-2020 và toàn bộ tài sản trên đất; thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 17c bản đồ địa

chính xã Phước Thái theo hợp đồng thế chấp số 511/TC20 ngày 30-6-2020 và toàn bộ tài sản trên đất, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Huỳnh Tấn A, bà Nguyễn Thị H đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Thương Tín. Trường hợp ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Thương Tín có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để đảm bảo thu hồi nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị H phải liên đới hoàn lại số tiền chi phí tố tụng là 1.500.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Thương Tín.

5. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Thương Tín không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 7.308.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002630 ngày 25-7-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Thương Tín.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị Hoàng.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19-12-2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng